Nghiên cứu
Tôn giáo
Số 2 (240), 2024, 88-104

NGUYỄN THỊ MINH NGỌC*

CÔNG TÁC XÃ HỘI CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Tóm tắt: *Phật giáo là một tôn giáo có nhiều ảnh hưởng đối với người dân Việt Nam. Thật khó có thể liệt kê chính xác những tác động của Phật giáo trong cả đời sống vật chất và tinh thần. Tuy nhiên, chúng ta không thể phủ nhận, xu thế nhập thế của Phật giáo đã tạo điều kiện thuận lợi để Phật giáo dấn sâu vào đời sống xã hội. Công tác xã hội của Phật giáo là một hoạt động mang tính chất của Phật giáo nhập thế. Có thể thấy rằng, Phật giáo có những lợi thế nhất định khi đưa các tư tưởng, giáo lý Phật giáo áp dụng trong các hoạt động công tác xã hội. Bài viết này không đi sâu phân tích thực trạng các hoạt động công tác xã hội của Phật giáo mà chỉ mong muốn tiếp cận những lợi thế của Phật giáo trong hoạt động công tác xã hội; những tư tưởng của Phật giáo có thể được áp dụng trong hoạt động công tác xã hội, việc vận dụng tư tưởng Phật giáo vào hoạt động công tác xã hội. Qua đó, bài viết chỉ ra những vấn đề còn tồn đọng của công tác xã hội của Phật giáo hiện nay. Mong rằng, trong thời gian tới, Giáo hội Phật giáo Việt Nam chú trọng vai trò của các hoạt động công tác xã hội của Phật giáo trong đời sống xã hội và từng bước đưa hoạt động này của Phật giáo theo đúng quy trình của hoạt động công tác xã hội.*

Từ khóa: *Phật giáo, công tác xã hội, hội nhập quốc tế, Việt Nam*

Mở đầu

Phật giáo là một tôn giáo thế giới có mặt sớm nhất tại Việt Nam. Thời điểm du nhập chính xác của Phật giáo vào Việt Nam vẫn còn nhiều tranh cãi, tuy nhiên, các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng,

* Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 8/1/2024; Ngày biên tập: 3/2/2024; Duyệt đăng: 15/2/2024.

thế kỷ II có sự hiện diện của Phật giáo ở Việt Nam cùng với sự xuất hiện của sơn môn Dâu và sự ra đời của hệ thống Tứ Pháp. Ngay từ những ngày đầu truyền vào Việt Nam, Phật giáo đã hòa đồng cùng tín ngưỡng bản địa, tư tưởng Phật giáo gắn bó, thẩm thấu vào đời sống hàng ngày của người dân. Hình ảnh ông Bụt hiền từ, cứu dân, độ thế là hình ảnh đẹp mà tuổi thơ mỗi đứa trẻ đều ít nhiều biết đến qua câu chuyện mẹ kể. Trong xã hội hiện đại, vấn đề xã hội hiển hiện trên nhiều chiều cạnh khác nhau. Phật giáo, với hệ tư tưởng cứu khổ, giải thoát có thể đáp ứng giải quyết nhiều vấn đề nóng trong xã hội cùng với các tổ chức xã hội. Đây cũng là một trong những nội dung hoạt động công tác xã hội của Phật giáo.

Nhập thế là xu thế chủ lưu của Phật giáo trong xã hội hiện đại. Hoạt động công tác xã hội chuyên nghiệp tạo điều kiện cho các hoạt động từ thiện của Phật giáo nhập thế sâu rộng hơn và đóng góp cho xã hội trên nhiều chiều cạnh hơn. Có thể thấy rằng, tư tưởng, giáo lý Phật giáo là nền tảng cơ bản trợ giúp cho các hoạt động tư vấn của công tác xã hội. Như vậy, công tác xã hội góp phần đưa giáo lý Phật giáo, tư tưởng cốt lõi của Phật giáo thẩm thấu sâu hơn vào đời sống xã hội, đặc biệt, trợ giúp nhóm yếu thế trong xã hội. Phật giáo Việt Nam có nhiều tiềm lực để thực hiện đầy đủ quy trình hoạt động công tác xã hội. Trong tương lai không xa, hy vọng rằng, trung tâm công tác xã hội Phật giáo thực sự được hình thành đáp ứng nhu cầu xã hội, đưa giáo lý Phật giáo, tư tưởng Phật giáo thâm nhập sâu hơn vào giải quyết các vấn đề xã hội. Đây cũng là một hình thức đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam.

Vấn đề công tác xã hội Phật giáo Việt Nam chưa có nhiều nghiên cứu, bởi đây là một trong những chủ đề mới trong các hoạt động của Phật giáo Việt Nam. Lương Gia Tĩnh (2017) trong *Đào tạo tôn giáo học ở Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển* cho rằng vấn đề công tác xã hội Phật giáo vẫn còn nhiều bất cập. Tác giả cho rằng "để cá nhân Phật tử và các tổ chức Phật giáo tham gia công tác xã hội một cách chủ động như một nhu cầu tự thân trên con đường GIÁC NGỘ - GIẢI THOÁT, đồng thời, đem lại lợi lạc cho tha nhân, cho xã hội, chúng ta cần:

Nhận thức chân thật, rõ ràng những vấn đề xã hội ở góc độ bất thường, tiêu cực và nguyên nhân của nó.

Từ góc độ tư tưởng giáo lý Phật giáo, người Phật tử tự giác và chia sẻ với những người làm công tác xã hội cũng như những người hoặc nhóm người được thụ hưởng lợi ích từ công tác xã hội về lợi ích của mình và cộng đồng xã hội trong hoạt động công tác xã hội.

Và từ đó, "tìm ra những phương pháp thích hợp đem lại hiệu quả thiết thực, bền vững." [Lương Gia Tĩnh, 2017: 496-506]. Có thể thấy rằng, hoạt động công tác xã hội cũng là những hoạt động thường xuyên của Giáo hội và Phật tử. Vấn đề là cần phải nâng tầm các hoạt động này trong điều kiện mới trên cơ sở phương pháp luận vững vàng, kết hợp giữa Phật pháp và thế gian pháp.

Nguyễn Thị Kim Hoa và cộng sự (Hoa, Lan, & Vũ, 2017), đã làm rõ vai trò của Phật giáo trong công tác xã hội hiện nay và cho thấy, Phật giáo có tiềm năng lớn để thực hiện hoạt động công tác xã hội đúng nghĩa. Nhiều năm qua, Phật giáo Việt Nam đã thực hiện nhiều hoạt động trong cộng đồng và xã hội như nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, người bị xã hội ruồng bỏ... Thực tế, nhiều hoạt động này thực hiện đầy đủ năm chức năng của công tác xã hội. Việc liên kết các chùa với hệ thống trung tâm công tác xã hội trong cung cấp dịch vụ công tác xã hội là có tính khả thi.

Nguyễn Ngọc Hường (2012), đã chỉ ra tiềm năng để Phật giáo Việt Nam triển khai các hoạt động công tác xã hội theo đúng chu trình công tác xã hội. Tác giả đồng thời đề xuất mô hình dịch vụ công tác xã hội có thể triển khai tại các cơ sở tự viện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhằm gia tăng hơn nữa tính hiệu quả hoạt động nhập thế của Giáo hội.

Có thể thấy rằng, Phật giáo Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử thực hiện tốt các hoạt động từ thiện xã hội. Từ thiện xã hội Phật giáo đa dạng, phong phú với nhiều hình thức khác nhau từ các hình thức trợ giúp thường xuyên cho đến các hình thức không thường xuyên. Từ thiện xã hội về bản chất có nhiều điểm trùng khớp với công tác xã hội. Đó là hoạt động trợ giúp cho các nhóm yếu thế và những đối tượng gặp phải bất trắc trong cuộc sống hàng ngày. Sự khác biệt giữa từ

thiện xã hội và công tác xã hội nằm ở chỗ công tác xã hội nhấn mạnh tương tác xã hội, hướng đối tượng trợ giúp ngoài việc vượt qua bất trắc trong cuộc sống mà thiếu đi sự kết nối, tư vấn trợ giúp hội nhập xã hội cũng như tư vấn trợ giúp ứng phó trước các rủi ro, bất trắc có thể xảy ra trong cuộc sống. Công tác xã hội với điểm nhấn cơ bản là trợ giúp nhận thức rủi ro, tư vấn hỗ trợ phương thức phòng tránh và ứng phó rủi ro, hỗ trợ kết nối xã hội trong từng giai đoạn vượt qua rủi ro và tái hòa nhập xã hội thúc đẩy hoạt động xã hội lên bước hoàn thiện. Đối tượng thụ hưởng dịch vụ công tác xã hội có được sự hòa nhập xã hội sau những rủi ro, bất trắc. Thực hiện hoạt động công tác xã hội giúp Phật giáo khẳng định hơn nữa vai trò của mình đối với xã hội, thực hiện trách nhiệm xã hội. Đây cũng là một xu thế nhập thế tích cực của Phật giáo trong thời đại mới.

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp trong tổng thể các nội dung. Bên cạnh đó, bài viết sử dụng các số liệu nghiên cứu định lượng và định tính của đề tài *Vai trò của tôn giáo đối với việc xây dựng niềm tin xã hội* do tác giả làm chủ nhiệm đề tài, Viện Xã hội học chủ trì, thực hiện khảo sát năm 2015. Khảo sát này được thực hiện với 600 mẫu khảo sát cho ba nhóm: tín đồ Phật giáo, tín đồ Công giáo và nhóm không phải là tín đồ tôn giáo. Bài viết chỉ sử dụng phân tích riêng cho nhóm tín đồ Phật giáo. Khảo sát định tính được tiến hành với 30 người thuộc ba nhóm khảo sát định lượng, trong đó, tín đồ Phật giáo là mười người và bài viết sử dụng tư liệu của mười phỏng vấn đối với tín đồ Phật giáo. Kết quả khảo sát định lượng và định tính tại Hà Nội và Ninh Bình được sử dụng trong bài viết. Do khuôn khổ bài viết có hạn, đồng thời, bài viết phân tích lại kết quả khảo sát định lượng và định tính của một đề tài khác nên không thể bao quát toàn bộ nội dung bài viết mà chỉ là minh chứng cho một số nội dung của bài viết.

1. Những lợi thế của Phật giáo Việt Nam trong tham gia công tác xã hội

Tổng kết của Nguyễn Ngọc Hường cho thấy, "ở hầu hết các nước phát triển, ngành công tác xã hội hiện đại đều có nguồn gốc từ các hoạt động từ thiện mang tính tôn giáo" (Nguyễn Ngọc Hường, 2012). Các hoạt động này bắt nguồn từ hoạt động từ thiện xã hội của các tôn

giáo như tại Mỹ, công tác xã hội được coi là khởi nguồn từ cuối thế kỷ XIX từ hoạt động từ thiện của những phụ nữ Công giáo giàu có (Nguyễn Ngọc Hường, 2012). Sau này, hoạt động xã hội, theo dạng hoạt động công tác xã hội phát triển dưới nhiều hình thức khác nhau và có những chương trình xã hội tôn giáo nhận nguồn kinh phí từ chính phủ (Nguyễn Ngọc Hường, 2012).

Tại châu Á, các tôn giáo rất tích cực đưa các nội dung tư tưởng của mình vào thực hiện các hoạt động xã hội. Điển hình là Nhật Bản, Hàn Quốc. Tôn giáo Việt Nam trong thời kỳ phát triển và hội nhập quốc tế hòa vào xu thế chung của các tôn giáo thế giới ngày càng tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Phật giáo là một trong những tôn giáo có nhiều hoạt động xã hội trong thời gian gần đây. Tinh thần nhập thế mạnh mẽ của Phật giáo được triển khai thông qua các hoạt động xã hội, mà cụ thể là các hoạt động từ thiện xã hội, trợ giúp xã hội dành cho nhóm yếu thế. Thực tế, đối tượng của trợ giúp xã hội và công tác xã hội không có sự khác biệt. Hoạt động trợ giúp xã hội, từ thiện xã hội hướng tới cung ứng điều kiện vật chất trong ngắn hạn và dài hạn cho nhóm đang bị tổn thương hay chưa đủ điều kiện tham gia vào dịch vụ xã hội đang được cung ứng trên thị trường. Hoạt động công tác xã hội bên cạnh cung ứng điều kiện vật chất và tinh thần cho nhóm bị tổn thương còn hướng tới hỗ trợ, tư vấn cho họ phương thức hội nhập xã hội, ứng phó và phòng tránh các rủi ro trước bất trắc trong cuộc sống mà họ đang phải đối đầu. Về động cơ giúp đỡ, hoạt động từ thiện xuất phát từ tình yêu đồng loại giữa con người và con người, song đôi khi sự giúp đỡ bị chi phối bởi động cơ cá nhân. Hoạt động công tác xã hội là sự giúp đỡ mang động cơ nghề nghiệp, là trách nhiệm của ngành công tác xã hội. Trong đó, nhân viên công tác xã hội coi lợi ích của đối tượng là ưu tiên hàng đầu, việc trợ giúp cá nhân hay gia đình trong lúc khốn khó là trách nhiệm, nghĩa vụ được xã hội giao phó. Nói cách khác, công tác xã hội trợ giúp con người nhằm tạo ra những thay đổi tích cực của đối tượng trên cơ sở trách nhiệm và nghĩa vụ của nhân viên công tác xã hội được xác nhận trong quy định đạo đức nghề nghiệp. Hoạt động từ thiện xã hội, trợ giúp xã hội dựa trên nền tảng *cho - nhận*, nên người được giúp đỡ thường thụ động đón nhận trợ giúp. Phương thức này sẽ hiệu quả khi giải quyết các vấn đề tức thời hoặc cần sự trợ giúp nhanh chóng với

khối lượng lớn. Trợ giúp trong công tác xã hội đòi hỏi tính khoa học, tuân thủ nguyên tắc trợ giúp; nâng cao năng lực giải quyết vấn đề. Công tác xã hội tạo điều kiện chủ động cho đối tượng trợ giúp giải quyết vấn đề chính mình. Như vậy, nền tảng của từ thiện xã hội, trợ giúp xã hội nếu được tiếp cận từ góc độ công tác xã hội sẽ mở rộng thêm cơ hội hòa nhập xã hội cho nhóm yếu thế, nhóm bị tổn thương. Phật giáo Việt Nam đa dạng hình thức hoạt động trợ giúp xã hội, từ thiện xã hội. Bên cạnh đó, Phật giáo Việt Nam có nhiều tiềm năng nhân lực tham gia hoạt động này. Đây là những lợi thế của Phật giáo Việt Nam khi thiết lập các hoạt động công tác xã hội nhằm nâng cao hơn nữa tính hiệu quả của các hoạt động trợ giúp xã hội của mình.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập năm 1981, đến nay, hệ thống cơ cấu tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã phủ khắp 63 tỉnh/thành. Cơ cấu tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm ba cấp hành chính: trung ương, tỉnh/thành và quận/huyện. Bên cạnh đó, trực thuộc giáo hội là 13 ban, viện và phân viện trực thuộc Trung ương Giáo hội; tám hội Phật tử Việt Nam tại nước ngoài. Sự phân bố trải rộng trên toàn quốc là một lợi thế quan trọng để triển khai các hoạt động đồng bộ trên toàn quốc, trong đó có hoạt động công tác xã hội.

Hiện nay, theo số liệu Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phật giáo cả nước có 165 cơ sở Tuệ Tĩnh đường, 33 phòng khám Tây y, Đông – Tây y kết hợp và hàng trăm phòng thuốc Nam phát thuốc miễn phí [Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2022]. Hoạt động trợ giúp người bệnh là một hoạt động quan trọng của công tác xã hội. Hoạt động công tác xã hội bệnh viện trong các bệnh viện hiện nay đã được triển khai, dù hiệu quả của hoạt động công tác xã hội bệnh viện chưa được như mong đợi. Hệ thống cơ sở Tuệ Tĩnh đường và các phòng thuốc Nam của Phật giáo là một lợi thế của Phật giáo trong việc thực hiện công tác xã hội đối với bệnh nhân.

Lợi thế quan trọng của Phật giáo trong tham gia công tác xã hội là Phật giáo là một tôn giáo có tính dung hòa cao với đời sống tâm linh người Việt Nam. Dù chưa bao giờ là quốc giáo, nhưng tư tưởng Phật giáo thẩm thấu sâu trong con người Việt Nam. Theo thống kê trong *Sách trắng tôn giáo*, Phật giáo là tôn giáo có tỉ lệ tín đồ đông nhất,

không kể ngoài số lượng tín đồ còn bộ phận có tình cảm với Phật giáo. Niềm tin Phật giáo của người dân là một lợi thế quan trọng để Phật giáo triển khai các hoạt động công tác xã hội.

Phật giáo Việt Nam có nhiều lợi thế trong xây dựng một đội ngũ nhân viên công tác xã hội. Phật giáo Việt Nam có hệ thống tình nguyện viên đông đảo. Tình nguyện viên này đều là những người có niềm tin Phật giáo, có hiểu biết về Phật giáo. Nhiều người trong số họ trải qua nhiều trải nghiệm tôn giáo cá nhân. Câu chuyện cuộc đời của nhiều tình nguyện viên là những bằng chứng cụ thể, khách quan, gia tăng tính hiệu quả của hoạt động công tác xã hội. Họ là những người đã từng tham gia nhiều nội dung của các hoạt động công tác xã hội dưới hình thức các hình thức hoạt động thiện nguyện của Phật giáo như tư vấn, chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS; chăm sóc người già cô đơn; tư vấn chăm sóc người mắc bệnh tâm thần; chăm sóc người nhiễm chất độc mầu da cam; chăm sóc trẻ em mồ côi... Để lợi thế này được phát huy, cần phải có chiến lược đào tạo nghiệp vụ công tác xã hội cho đội ngũ tình nguyện viên.

Tăng, ni có vị trí quan trọng đối với Phật tử và cả những người chưa phải là Phật tử nhưng có niềm tin với Phật pháp. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Ngọc (2017) về niềm tin xã hội, trong đó có niềm tin giữa các cá nhân, cho thấy niềm tin của Phật tử vào tăng, ni tới trên 90%, trong đó, niềm tin của nhóm thường xuyên đi lễ chùa cao hơn nhóm không thường xuyên đi lễ chùa. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Ngọc cũng chỉ ra vị thế của tăng, ni đối với Phật tử có 41,1% tín đồ Phật giáo xin lời khuyên của tăng ni khi có việc quan trọng của bản thân và gia đình, trong đó, nữ Phật tử xin ý kiến nhiều hơn nam Phật tử, nhóm thường xuyên đi lễ chùa có tỉ lệ xin ý kiến cao hơn so với nhóm không thường xuyên đi lễ [Nguyễn Thị Minh Ngọc, 2017: 213]. Đây là cơ hội thuận lợi để thiết lập hệ thống trung tâm tư vấn theo dạng công tác xã hội cá nhân tại các tự viện.

2. Tư tưởng Phật giáo và ứng dụng trong công tác xã hội Phật giáo

Hơn 2.000 năm có mặt tại Việt Nam, Phật giáo dung hòa với tập quán văn hóa bản địa. Tư tưởng triết lý Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng tới nhiều chiều cạnh đời sống cá nhân và xã hội. Giai đoạn hiện

nay, Phật giáo được coi là một tôn giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ. Điều đó cho thấy, các hoạt động Phật giáo thu hút sự quan tâm đáng kể của người dân. Công tác xã hội Phật giáo thực hiện trên nền tảng tư tưởng, giáo lý Phật giáo, nhấn mạnh phát triển hoạt động công tác xã hội trong các hoạt động từ thiện xã hội Phật giáo là điều cần thiết và thể hiện tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam hiện nay.

Triết lý từ bi là tư tưởng nền tảng của hoạt động công tác xã hội. Từ bi là gốc rễ của Phật giáo. Từ và Bi là hai đức tính nền tảng trong Tứ vô lượng tâm của Phật giáo. Hiểu một cách đơn giản, từ bi là tâm niệm đem lại niềm vui, giảm bớt khổ đau cho người khác. Triết lý Phật giáo phân ra ba loại từ bi: "1. Chúng sinh duyên từ bi, còn gọi là Hữu tình duyên từ. Chúng sinh duyên từ bi tâm là bằng lòng từ bi rộng lớn coi chúng sinh trong thập phương ngũ đạo như cha, như mẹ, như anh chị em, con cháu, với tấm lòng luôn luôn suy nghĩ tới việc sao cho họ được sướng vui, diệt trừ khổ sở. Loại từ bi này phần nhiều khởi lên ở kẻ phàm phu hoặc người có học song chưa dứt bỏ hết phiền não. 2. Pháp duyên từ bi tâm là thánh nhân hàng tam thừa đã dứt bỏ hết phiền não, giác ngộ chân lý chính pháp là vô ngã mà khởi lòng từ bi. Đó là lòng từ bi của bậc Vô học (A La Hán) và của hàng Bồ tát từ sơ địa trở lên. 3. Vô duyên từ bi là lòng từ bi chỉ có ở chư Phật. Đó là lòng từ bi tuyệt đối bình đẳng khởi lên nhờ kiến giải xa lìa sai biệt và không có cái tâm phân biệt. Cái đó hạng phàm phu nhị thừa không thể có được, nên gọi là Đại từ đại bi" [Kim Cương Tử, 1994: 1721]. Tâm mang lại niềm vui, an lạc cho mọi người trong từ bi được mở rộng không chỉ dành cho người yêu thương mình, thuận duyên với mình mà phải đem niềm vui tới cho cả những người ghét mình, đối nghịch với mình. Từ bi theo tinh thần Phật giáo là mở rộng lòng đại bi đến với tất cả chúng sinh dù vô tình hay hữu tình. Từ bi còn có nghĩa là không sân hận, đố kỵ trong cuộc sống để dẫn tới mâu thuẫn, bạo lực. Theo Phật giáo, mọi oán hận khởi nguồn từ tam độc: tham, sân, si nên phải rèn luyện đức tính từ bi. Từ bi là cách hóa giải xung đột tránh mang khổ đau cho nhân loại. Từ bi là lòng nhân hòa, hướng thiện, không toan tính, nhằm mang tới niềm vui và hạnh phúc tối thượng cho mọi người. Bởi vậy, từ bi là sự cảm hóa tâm, sự hoàn thiện bản thân và cải thiện xã hội. Con người tuy chưa thể đạt từ bi vô lượng như bậc Thánh nhân nhưng có thể thực hành từ bi

từ những hành vi nhỏ nhất trong đời sống hàng ngày để mang lại niềm vui cho người khác. Triết lý từ bi là triết lý nền tảng định hướng hoạt động từ thiện xã hội, trợ giúp xã hội và công tác xã hội.

Triết lý từ bi ứng dụng trong công tác xã hội thực hiện đối với cả nhóm nhân viên công tác xã hội và đối tượng trợ giúp. Tâm từ bi là nền tảng để nhân viên công tác xã hội có được sự đồng cảm, chia sẻ, thấu hiểu nỗi đau mà đối tượng cần trợ giúp đang phải đối mặt. Đối với bản thân người cần giúp, triết lý từ bi giúp họ có được sự thấu hiểu những người cùng nỗi đau, từ đó, nương tựa vào nhau, cùng chia sẻ vượt qua khúc mắc cuộc đời. Thấu hiểu trên tinh thần từ bi còn tạo điều kiện để nhóm bị tổn thương đối mặt với cuộc sống, dũng cảm vượt lên những vấp ngã để tái hòa nhập xã hội, trở về với cuộc sống bình thường. Ví dụ, nhóm phụ nữ bị buôn bán qua biên giới trở về bên cạnh sự trợ giúp vật chất tái hòa nhập cuộc sống cần tư vấn, hỗ trợ tinh thần tái hòa nhập cộng đồng. Đa số họ cảm thấy tự ti với cộng đồng và với bản thân người trong gia đình. Nỗi đau tinh thần đó cần sự sẻ chia của người thân và xã hội. Nhiều người trong số họ khi trở về không dám đối mặt với người thân trong gia đình, hay không dám rời khỏi nhà vì cảm thấy thân mình ô uế, hèn kém. Khó khăn vật chất có thể được giải quyết bằng nhiều hình thức trợ giúp khác nhau nhưng nỗi đau tinh thần khiến nhiều người gục ngã lâm vào trầm cảm, thậm chí tự sát. Nhóm bà mẹ đơn thân, đặc biệt là sinh viên, người lao động trẻ khi mang thai rất cần sự chia sẻ, trợ giúp cả về vật chất và tinh thần. Nhiều nữ thanh niên khi mang thai ngoài ý muốn không biết phải ứng phó như thế nào khi bị sự từ chối của gia đình, người thân và cả bạn bè, đồng nghiệp đi vào khủng hoảng. Tư tưởng tôn trọng sự sống muôn loài của Phật giáo là cơ sở để thực hiện hoạt động công tác xã hội trợ giúp nhóm bà mẹ đơn thân cả về vật chất và tinh thần dũng cảm đón nhận đứa trẻ thay vì phá thai. Hoạt động trợ giúp được thực hiện trong giai đoạn thai kỳ, khi vừa sinh nở và có thể hỗ trợ sau sinh nuôi dưỡng đứa trẻ, tái hòa nhập gia đình và cộng đồng. Nhiều trường hợp sau khi sinh đứa trẻ an toàn, nhóm hỗ trợ công tác xã hội đã giúp bà mẹ đơn thân kết nối lại với gia đình, được gia đình đón nhận.

Tinh thần hướng đến nhóm yếu thế, trợ giúp người dân trong những khó khăn của đời sống thường nhật cả về đời sống vật chất và tinh thần là nội dung quan trọng trong tư tưởng cứu khổ cứu nạn của Phật giáo. Tư tưởng Phật giáo thể hiện trong kinh điển Phật giáo có thể được ứng dụng một cách hiệu quả trong các hoạt động công tác xã hội. Đơn cử, hoạt động công tác xã hội đối với bệnh nhân, đặc biệt bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo. Liên quan đến trị liệu bệnh tật, hệ thống kinh điển Phật giáo, Kinh Sallatha Sutta, Tương Ưng Bộ Kinh/Samyutta Nikaya, PTS: S iv 207. CDB ii 1263 và Kinh Sakalika Sutta, Bài Kinh về mảnh đá: Tương Ưng Bộ Kinh 3.18 và 4.13 là những Kinh trực tiếp bàn về sự đau đớn mà con người phải gánh chịu về cả thể xác và tâm hồn. Tuy hai bộ kinh này không trực tiếp bàn về vấn đề bệnh tật nhưng đã bàn tới sự đau đớn về thể xác và chỉ ra thái độ đón nhận đau đớn do bệnh tật. Trong Kinh Sallatha Sutta hay bài kinh về mũi tên, Đức Phật chỉ ra sự khác biệt giữa người tu hành và người không tu hành trong nhận thức về sự đau đớn. Đây cũng là cách ứng phó đối với bệnh tật mà Đức Phật chỉ dạy. Người không tu hành khi phải chịu một sự đau đớn ví như bị một mũi tên bắn vào cơ thể sẽ oán thán, đau buồn, hoảng sợ. Như vậy, bên cạnh nỗi đau thể xác người đó còn phải chịu thêm nỗi đau của tâm sân hận, nó như mũi tên thứ hai đâm vào cơ thể con người. Với người tu hành, khi phải gánh chịu nỗi đau thể xác sẽ không sinh tâm oán thán, đau buồn và như vậy chỉ phải chịu nỗi đau thể xác mà không phải gánh chịu thêm nỗi đau của tâm sân hận sinh ra [Hoàng Phong, 2014: 11-20].

Kinh Sakalika Sutta, hay *Bài Kinh về mảnh đá* nói về câu chuyện Đức Phật đã trải qua sự đau đớn thân xác do bệnh tật và cách thức mà Đức Phật đối mặt với nó như thế nào. Câu chuyện đặt ra trong bối cảnh Phật giáo đã có sự phân rẽ. Sự chia rẽ này được thể hiện bằng các âm mưu ám hại Đức Phật. "Luật Tạng (Vinaya, tiểu phẩm Cullavagga VII, 3.9) có thuật lại câu chuyện về Đề-bà. Quan điểm Phật giáo về sự đau đớn và bệnh tật Đạt-đa đã lăn một tảng đá lớn từ trên dốc cao xuống phía Đức Phật và các đệ tử của Ngài ở bên dưới. Tảng đá lăn chệch sang một bên không trúng vào Đức Phật, thế nhưng cũng có một mảnh đá vỡ đâm vào chân khiến Ngài bị thương."

[Hoàng Phong, 2014: 29-30]. Nội dung này cũng được trình bày trong Tương Ưng Bộ Kinh cùng với tiêu đề là *Bài Kinh về mảnh đá*. Mảnh đá đâm vào chân mang lại cảm giác đau đớn thể xác tột độ cho Đức Phật. Tuy nhiên, như kinh đã chỉ ra, Đức Phật đón nhận sự đau đớn đó một cách tỉnh giác, minh mẫn, không xao động. "Ngài gấp mảnh y thượng làm tư để gối đầu, nằm nghiêng về bên phải, uy nghi trong tư thế của một con sư tử, chân này gác lên chân kia, thật tỉnh giác và minh mẫn" [Hoàng Phong, 2014: 30]. Với sự tỉnh giác và minh mẫn, Đức Phật chỉ phải chịu đựng nỗi đau thể xác do vết thương mang lại mà không phải đón chịu nỗi đau của sự sân hận, oán thán như mũi tên thứ hai đâm thấu vào tim. Sự "tỉnh giác, minh mẫn, không một chút xao động" của Ngài nói lên một sự tập trung tâm thần cao độ và phản ảnh một tâm thức buông xả tuyệt vời. Trong sự thanh thản đó không có một "thoáng xúc cảm nào bị kiềm tỏa hay mang tính cách gượng ép, không có một sự chuyển động tâm thần nào bị trấn áp hay dồn nén" [Hoàng Phong, 2014: 37]. Hay nói đúng hơn đây là sự giác ngộ về giáo lý vô thường, vô ngã, thể hiện tinh thần buông bỏ của một vị giác ngộ. Đây là cách thức mà Đức Phật chỉ ra cho các Phật tử cách thức đối mặt với bệnh tật. Bệnh tật mang đến sự đau đớn về thể xác, đó là điều không thể tránh khỏi. Người bệnh phải chịu đựng muôn ngàn đau đớn thể xác đó nếu tâm sân hận, oán thán khởi phát thì không chỉ phải chịu đựng nỗi đau thể xác mà còn phải gánh chịu thêm nỗi đau tâm thức.

Vận dụng tư tưởng này của Phật giáo vào công tác xã hội đối với người bệnh sẽ giúp người bệnh có được tâm thái thanh thản chống chịu bệnh tật. Tinh thần lạc quan, tự tin cũng là một nhân tố quan trọng để gia tăng hiệu ứng trị liệu. Bên cạnh đó, một số Phật tử khi bản thân hoặc người trong gia đình có bệnh ngoài việc điều trị bệnh tật bằng các liệu pháp Đông Tây y, còn lựa chọn hình thức cầu cúng sự gia hộ của các thế lực tâm linh, chủ yếu là cầu nguyện Phật, thần và gia tiên gia hộ. Một số Phật tử tổ chức các trai đàn cầu an, sám hối hồi hướng cho người bệnh. Một số khác tổ chức chạy đàn cầu siêu cho gia tiên với chi phí không nhỏ. Thậm chí, có những Phật tử tìm đến pháp sư, thầy bói để lý giải nguyên nhân bệnh tật từ việc động mồ mả, nhà cửa phong thuỷ không hợp hay bếp và nhà vệ sinh đặt không đúng

hướng... Cho đến nay, chưa có cơ sở khoa học hay công trình nghiên cứu cụ thể nào mà chúng tôi có được trong tay giải thích sự gắn kết của những hiện tượng trên đối với bệnh tật và điều trị bệnh tật. Một số khác lại cho biết đã từng chứng kiến sự mầu nhiệm và vì vậy hoàn toàn tin rằng khi có bệnh việc chữa trị tại bệnh viện là cần thiết nhưng vẫn phải cần sự trợ giúp của thế giới tâm linh.

Kết quả phỏng vấn của chúng tôi cho thấy ý kiến trái chiều của Phật tử về những hình thức điều trị bệnh tật ngoài y học. Nhiều Phật tử cho rằng đây là những hình thức mang tính mê tín dị đoan, không có liên quan gì đến bệnh tật và điều trị bệnh tật. "Tôi không tin bệnh tật do tôi xây nhà mà có. Nhà ông bà để lại sống bao đời nay, làm gì có chuyện hợp hay không hợp, chẳng lẽ nhà hợp các cụ không hợp tôi hay sao?" (PVS. Nam, 68 tuổi, nghỉ hưu). "Tôi không nghĩ là cầu cúng linh đình thì sẽ khỏi bệnh. Nếu vậy thì còn cần bệnh viện làm gì? Vi khuẩn gây bệnh không thể do cầu cúng mà chết đi được" (PVS. Nữ, 47 tuổi, cán bộ). "Theo tôi, bệnh là do cái nghiệp của mình tạo ra từ nhiều kiếp trước, không có do ông bà tổ tiên trừng phạt. Mà đã là nghiệp rồi thì phải sám hối với chư Phật chứ không phải cúng Phật để Phật chữa bệnh cho, cúng tổ tiên cũng thế, không có ông bà tổ tiên nào mà lại gây bệnh phạt con cháu cả." (PVS. Nữ, 54 tuổi, nghề tự do).

Lối sống lành mạnh theo lý tưởng tôn giáo có tác dụng tích cực. Chaeyoon Lim và Robert D. Putnam (2010) trong bài *Tôn giáo, mạng lưới xã hội và sự hài lòng với cuộc sống* (Religion, Social Networks, and Life Satisfaction) đã chỉ ra rằng có sự liên kết chặt chẽ giữa tôn giáo và trạng thái hạnh phúc trong cuộc sống. Phát hiện của các ông cho thấy những người có tôn giáo có chỉ số hạnh phúc cao hơn vì họ thường xuyên tham gia các hoạt động tôn giáo và xây dựng mạng lưới xã hội trong giáo đoàn của mình. É. Durkheim (1951) nghiên cứu các chiều cạnh xã hội của tôn giáo và nhận ra rằng đây là bản chất cốt lõi của tôn giáo. Ông cũng chỉ ra được sự hỗ trợ cá nhân của tôn giáo. Công tác xã hội nhóm và cá nhân có thể vận dụng những điểm tích cực của lối sống tôn giáo trong các hoạt động tư vấn, giáo dục của mình.

Đạo Phật là đạo giải thoát. Đức Phật khi đắc đạo đã chỉ ra rằng chân lý cuộc đời là "khổ" và vấn đề quan trọng nhất là làm sao để thoát khỏi "khổ". Hệ giáo lý cơ bản của Phật giáo về Khổ và giải thoát khỏi cái Khổ là *Tứ diệu đế* và *Bát chính đạo*. Để thực hiện được những giáo lý cơ bản này, kinh điển Phật giáo đã đề cập đến hàng loạt vấn đề làm sao để con người có được sự giải thoát rốt ráo. Những tư tưởng này hoàn toàn có thể được ứng dụng trong các hoạt động công tác xã hội Phật giáo.

3. Vấn đề đặt ra đối với công tác xã hội của Phật giáo

Thứ nhất, vấn đề cách thức tiếp cận công tác xã hội của Phật giáo

Công tác xã hội Phật giáo cần được tiếp cận như một loại hình dịch vụ xã hội của Phật giáo. Theo Nguyễn Ngọc Hường, Phật giáo đã thực hiện "đầy đủ các chức năng mà một trung tâm công tác xã hội tương lai của Việt Nam muốn thực hiện: 1) điều phối dịch vụ; 2) cung cấp dịch vụ; 3) đào tạo – giáo dục; 4) hỗ trợ - phát triển cộng đồng; 5) tư vấn, vận động chính sách" [Nguyễn Ngọc Hường, 2012]. Tuy nhiên, công tác xã hội chưa được đặt ra đúng mức trong các nội dung chương trình hoạt động của Giáo hội. Nên đặt hoạt động này trong hoạt động từ thiện xã hội, hoạt động hướng dẫn Phật tử, hoạt động hoằng pháp. ... Hiện nay, tại các bệnh viện, hoạt động công tác xã hội đã và đang dần đáp ứng nhu cầu của người bệnh và gia đình bệnh nhân. Các bệnh viện đều có đội ngũ nhân viên công tác xã hội, cho dù đội ngũ này chưa thực sự phát huy hết các chiều cạnh của công tác xã hội bệnh viện. Đối với Phật giáo, hệ thống Tuệ Tĩnh đường, trung tâm khám chữa bệnh hiện đều chưa có nhân viên công tác xã hội. Điều đó cho thấy, Giáo hội chưa thực sự chú trọng, hay nói cách khác Giáo hội chưa tiếp cận lĩnh vực công tác xã hội để ứng dụng trong các hoạt động của mình.

Không chỉ các phòng khám chữa bệnh, Phật giáo có nhiều trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, trung tâm tư vấn người nhiễm HIV/AIDS, trung tâm nuôi dưỡng người nhiễm HIV/AIDS... Đây là những địa chỉ cần thiết cho công tác xã hội cá nhân và công tác xã hội nhóm. Cũng như các phòng khám, các cơ sở này đều chưa có hệ thống nhân viên công tác xã hội. Với nguồn lực Phật giáo trên tinh thần thiện nguyện của tăng, ni và Phật tử, chúng tôi

cho rằng việc xây dựng và thiết lập hệ thống nhân viên đảm trách công tác xã hội tại các cơ sở khám chữa bệnh Phật giáo, trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc nêu trên không quá khó khăn. Trước mắt, nếu chưa có điều kiện thiết lập đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp làm toàn thời gian (fulltime) thì hoàn toàn có thể thiết lập đội ngũ nhân viên công tác xã hội làm việc bán thời gian (halftime).

Công tác xã hội Phật giáo cần mở rộng hơn nữa các nhóm đối tượng trợ giúp. Bên cạnh nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương đang là đối tượng của các hoạt động trợ giúp xã hội, từ thiện xã hội hiện nay cần mở ra đối với các nhóm: thanh thiếu niên, sinh viên, người lao động gặp những bất trắc trong cuộc sống như hoạt động công tác xã hội trong lĩnh vực: khủng hoảng tuổi dậy thì ở thanh thiếu niên; người bị stress do áp lực cuộc sống trong xã hội hiện đại; nhóm trẻ tự kỷ; nhóm phụ nữ bị bạo lực gia đình; nhóm phụ nữ bị buôn bán qua biên giới; nhóm bà mẹ trẻ đơn thân...

Thứ hai, vấn đề đội ngũ nhân viên công tác xã hội Phật giáo

Hiện nay, Phật giáo thiếu đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp theo đúng quy trình của công tác xã hội hiện đại. Yêu cầu đối với nhân viên công tác xã hội Phật giáo không đơn thuần là có kiến thức, kinh nghiệm về công tác xã hội như các nhân viên công tác xã hội khác. Yêu cầu đối với nhân viên công tác xã hội Phật giáo là phải có hiểu biết sâu sắc về tư tưởng Phật giáo, chuẩn mực Phật giáo. Đối tượng thụ hưởng các hoạt động công tác xã hội Phật giáo đa số là nhóm có niềm tin Phật giáo. Do vậy, trước từng vấn đề tư vấn, nhân viên công tác xã hội cần giải quyết nó trên tinh thần của tư tưởng Phật giáo, niềm tin Phật giáo. Chẳng hạn, tư vấn cho nhóm nghiện rượu, ma túy, nhân viên công tác xã hội cần đứng trên lập trường ngũ giới của Phật giáo để tư vấn, giáo dục họ. Nghiện là một vi phạm ngũ giới. Vi phạm này là tác nhân đưa đến những nhân quả nào và vì sao họ cần phải tránh. Đã mắc rồi, họ nên làm gì?

Hiện nay, Phật giáo hoàn toàn chưa có đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp được đào tạo bài bản do vậy, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nếu thực sự quan tâm tới công tác xã hội sẽ phải có lộ trình đào tạo một số tăng, ni sư theo ngành công tác xã hội chuyên nghiệp.

Bên cạnh đó, Giáo hội có thể huy động các Phật tử có chuyên môn công tác xã hội tham gia thực hiện các hoạt động công tác xã hội một cách thiện nguyện, đồng thời, đào tạo những người khác về nghiệp vụ công tác xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu triển khai các hoạt động công tác xã hội của Phật giáo.

Thứ ba, vấn đề chủ thể tham gia cung ứng dịch vụ công tác xã hội

Hiện nay, Phật giáo Việt Nam hoàn toàn chưa có cơ sở cung ứng dịch vụ công tác xã hội theo đúng nghĩa. Trước hết, các trung tâm y tế; trung tâm nuôi dưỡng người già cô đơn, trẻ mồ côi; trung tâm tư vấn và chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS, trung tâm dạy nghề... là những chủ thể cần thiết tham gia cung ứng dịch vụ công tác xã hội. Việc cung ứng hệ thống dịch vụ công tác xã hội Phật giáo có tính đặc thù so với các hệ thống dịch vụ công tác xã hội khác. Đa số, các dịch vụ này được thực hiện như một hoạt động trợ giúp xã hội.

Ngoài ra, chùa nên là đơn vị cung ứng dịch vụ công tác xã hội. Không thể mỗi chùa là một trung tâm công tác xã hội Phật giáo mà tùy theo nhu cầu thực tiễn, các chùa trên địa bàn một tỉnh, một huyện, một vài xã có thể kết hợp để hình thành một trung tư vấn công tác xã hội. Như trên đã phân tích, nhu cầu tham khảo ý kiến, xin tư vấn tăng ni tại các chùa là khá cao, do vậy, nếu thực sự dịch vụ công tác xã hội được cung ứng đúng theo chuyên môn công tác xã hội, nhu cầu cần tư vấn, tham khảo ý kiến của Phật tử sẽ có chiều hướng gia tăng. Đây cũng là một hình thức Phật giáo nhập thế đi vào đời sống xã hội, mang tư tưởng giáo lý Phật giáo vào giải quyết các vấn đề xã hội, qua đó, đạo đức Phật giáo, lối sống Phật giáo được lan tỏa.

Thứ tư, vấn đề sự đồng hành của các tổ chức xã hội đối với việc xây dựng hoạt động công tác xã hội của Phật giáo

Cần có sự trợ giúp của các tổ chức xã hội đồng hành cùng Giáo hội Phật giáo Việt Nam để thực hiện hoạt động công tác xã hội. Trong thời gian qua, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã cùng Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức một số chương trình hành động về công tác xã hội như đối với Thành phố Đà Nẵng có các chương trình: "Phật giáo Đà Nẵng với an sinh xã hội"; "Phật giáo Đà Nẵng với chương trình thành phố bốn an". Chương trình hành động này đã có những thành quả nhất

định. Tuy vậy, tính chuyên nghiệp của hoạt động công tác xã hội còn chưa được thể hiện. Đây là những vấn đề công tác xã hội có thể có nhiều đóng góp nếu được vận hành đúng với các quy trình hành động của công tác xã hội. Đội ngũ thực hiện công tác xã hội của Mặt trận Tổ quốc là nguồn lực quan trọng để hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động công tác xã hội Phật giáo đi đúng hướng và đạt hiệu quả cao nhất.

Thay lời kết

Phật giáo là một tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội Việt Nam. Từ trong lịch sử, tư tưởng Phật giáo gần gũi, thân thương đi sâu vào tâm hồn người Việt. Ngày nay, Phật giáo đã và đang nhập thế mạnh mẽ, đi sâu vào các chiều cạnh của đời sống xã hội. Công tác xã hội Phật giáo là một hình thức nhập thế của Phật giáo nhằm chia sẻ các vấn đề xã hội một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.

Thực tế cho thấy, Phật giáo Việt Nam có nhiều lợi thế để thực hiện dịch vụ công tác xã hội. Tư tưởng Phật giáo áp dụng vào thực hiện các dịch vụ này giúp nâng cao hiệu quả cho các hoạt động công tác xã hội. Tuy nhiên, hiện nay Phật giáo Việt Nam còn thiếu vắng hệ thống dịch vụ công tác xã hội cũng như đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp thực hiện nhiệm vụ này. Đây là hoạt động đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế đòi hỏi sự quan tâm của Giáo hội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chaeyoon Lim and Robert D. Putnam (2010), "Religion, Social Networks and Life Satisfaction", *American Sociological Review*, pp. 914-934.
2. É. Durkheim (1951), *Suicide: Studies in Sociology*. America: Free Press.
3. Nguyễn Thị Kim Hoa và cộng sự (2017), "Vai trò của Phật giáo Việt Nam trong công tác xã hội hiện nay". *Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 5, 2017*
4. Nguyễn Ngọc Hường (2012), "Kết nối đạo Phật với công tác xã hội: đề xuất một mô hình cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại Việt Nam", *Xã hội học*, số 1 (117), 23-34.
5. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2017), *Vai trò của tôn giáo trong xây dựng niềm tin xã hội*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Hoàng Phong (2014), (n.d.). *Quan điểm Phật giáo về sự đau đớn và bệnh tật*, Nxb. Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
7. Lương Gia Tĩnh (2017), *Đào tạo tôn giáo học ở Việt Nam quá tình hình thành và phát triển*. Hà Nội: Nxb Đại học quốc gia.
8. Kim Cương Tử (1994), *Từ điển Phật học Hán – Việt*, tập 2, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phân viện Nghiên cứu Phật học, Hà Nội.

Abstract

SOCIAL WORK OF VIETNAM BUDDHISM DURING THE PERIOD OF DEVELOPMENT AND INTERNATIONAL INTEGRATION

Nguyen Thi Minh Ngoc
Institute of Sociology, Vass

Buddhism has many influences on the Vietnamese. It is difficult to mention the exact effects of Buddhism on both material and spiritual life. However, it cannot be denied that the engaged trend of Buddhism has created favorable conditions for Buddhism to penetrate deeply into social life. Buddhist social work is an activity of engaged Buddhism. It can be said that Buddhism has advantages when applying Buddhist ideas and teachings in social work activities. This article does not analyze the current status of Buddhist social work activities. It indicates the advantages of Buddhism in social work; Buddhist ideas can be applied in social work, applying Buddhist thoughts to social work activities. Thereby, the article points out the problems of Buddhist social work today. Hopefully, the Vietnam Buddhist Sangha will focus on the role of Buddhist social work activities and gradually bring these Buddhist activities following the process of social work.

Keywords: Buddhism; social work; international integration; Vietnam.